

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2025

“V/v: *Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Vân.

Ông Trần Vi Tình.

Thư ký phiên tòa: Ông Đào Minh Chính - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở UBND phường A (cũ). Địa chỉ: C N, phường A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2025, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2/ Bị đơn: Anh Dương Minh H, sinh năm 1977. Nơi cư trú: tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2024 và tại phiên tòa chị Võ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Dương Minh H là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong cuộc sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau anh H không quan tâm đến vợ con. Nay chị T thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh H.

Về con chung:

Chị T và anh H sinh được 04 người con chung gồm: Dương Thùy D, sinh ngày 08/5/1999; Dương Quốc B, sinh ngày 11/5/2002; Dương Thùy Cẩm L, sinh ngày 26/8/2005 và Dương Võ Huyền L1, sinh ngày 23/11/2006. Hiện các cháu D, B, Cẩm L và Huyền L1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không có bản tự khai. Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T.

Về Hôn nhân: Chị Võ Thị T ly hôn với anh Dương Minh H.

Về con chung: Các con chung của chị T và anh H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Dương Minh H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập anh Dương Minh H tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng anh H không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án áp dụng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Dương Minh H là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (cũ). Trong cuộc sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau, anh H không quan tâm đến vợ con. Nay chị T thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa án giải

quyết cho chị T ly hôn với anh H. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nhưng hiện tại tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H không còn, không sống chung với nhau, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H sinh được 04 người con chung gồm: Dương Thùy D, sinh ngày 08/5/1999; Dương Quốc B, sinh ngày 11/5/2002; Dương Thùy Cẩm L, sinh ngày 26/8/2005 và Dương Võ Huyền L1, sinh ngày 23/11/2006. Hiện các cháu D, B, Cẩm L và Huyền L1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T.

Về Hôn nhân: Chị Võ Thị T ly hôn với anh Dương Minh H.

Về con chung: Chị T và anh H sinh được 04 người con chung gồm: Dương Thùy D, sinh ngày 08/5/1999; Dương Quốc B, sinh ngày 11/5/2002; Dương Thùy Cẩm L, sinh ngày 26/8/2005 và Dương Võ Huyền L1, sinh ngày 23/11/2006. Hiện các cháu D, B, Cẩm L và Huyền L1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[2] Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003131 ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

[3] Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 30/9/2025. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án

được niêm yết, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13;
- Phòng THADS khu vực 13;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Lê Ngọc Bình